

Số: /BC-UBND

Tân Hội, ngày tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO

**Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo
và phòng chống tham nhũng 6 tháng đầu năm 2026**
(Từ ngày 15/12/2025 đến ngày 15/6/2026)

Kính gửi: Hội đồng nhân dân xã, tỉnh An Giang

Căn cứ Luật Tiếp công dân ngày ngày 25 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Luật Tố cáo ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 20 tháng 11 năm 2018.

Ủy ban nhân dân (UBND) xã Tân Hội báo cáo kết quả thực hiện công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực 6 tháng đầu năm 2026 như sau:

I. TÌNH HÌNH KHIẾU NẠI, TỔ CÁO, PHÒNG CHỐNG THAM NHƯNG, LÃNG PHÍ TIÊU CỰC

Trong kỳ báo cáo, tình hình khiếu nại, tố cáo trên địa bàn xã nhìn chung ổn định.

- Về khiếu nại: Trong kỳ, Ủy ban nhân dân xã tiếp nhận: 02 đơn khiếu nại¹.

- Về tố cáo: Trong kỳ, Ủy ban nhân dân xã không tiếp nhận đơn thư tố cáo nào.

- Về tình hình công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trên địa bàn xã chưa phát hiện vụ việc nào, tình hình cơ bản ổn định. Công tác phòng, chống tham nhũng của UBND xã được thực hiện nghiêm túc, đồng bộ; ý thức trách nhiệm của cán bộ được nâng cao; không để xảy ra các vụ việc.

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN, XỬ LÝ ĐƠN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO

¹ Ngô Thành Sung Cường, ấp Đập Đá xã Tân Hội, tỉnh An Giang (xin rút khiếu nại); Võ Thị Kim Nhung, ấp Phú Hội, xã Tân Hội, tỉnh An Giang

1. Công tác tiếp công dân (Biểu 01/TCD)

- Ban tiếp công dân xã tiếp công dân thường xuyên được 49 lượt người.
- Công tác tiếp công dân định kỳ: Ủy ban nhân dân xã đã ban hành thông báo số 22/TB-UBND ngày 03/02/2026 về lịch tiếp công dân năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, trong tháng không có đơn yêu cầu tiếp.

2. Tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn (Biểu 02/XLD)

a) Tổng số đơn đã tiếp nhận trong kỳ

- Số đơn đã xử lý: 02 đơn²;
- Số đơn đủ điều kiện xử lý: 02 đơn;
- Số đơn thuộc thẩm quyền: 02 đơn;
- Số vụ việc thuộc thẩm quyền: 02 vụ.

b) Phân loại, xử lý đơn.

- Số đơn khiếu nại: 01 đơn;
- Số đơn tố cáo: 00 đơn;
- Số đơn kiến nghị, phản ánh: 01 đơn³.

c) Kết quả, xử lý đơn

- Số đơn đã hướng dẫn công dân gửi đơn: 00 đơn;
- Số đơn đã chuyển đơn đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết: 00 đơn.

3. Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo (Biểu 03/GQKN, 04/GQTC)

a) Giải quyết khiếu nại

- Kết quả giải quyết các vụ việc khiếu nại thuộc thẩm quyền đủ điều kiện xử lý: 01 vụ;
- Tổng số quyết định giải quyết khiếu nại đã ban hành trong kỳ: 01 quyết định;
- Thống kê kết quả giải quyết khiếu nại: 01 vụ.

b) Giải quyết tố cáo

² Khiếu nại của bà Võ Thị Kim Nhung và Phản ánh kiến nghị của ông Phạm Quang Chấn

³ Đơn phản ánh kiến nghị của ông Phạm Quang Chấn, thường trú ấp Tân Lợi, xã Tân Hội, tỉnh An Giang (i) Gia đình ông Phạm Quang Chấn có làm đơn đến Ủy ban nhân dân xã Tân Hội xin được xem xét hỗ trợ xây dựng nhà ở nhưng chưa nhận được phản hồi từ Ủy ban nhân dân xã. (ii) Ông cho rằng Ủy ban nhân dân xã không trả lời làm ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của gia đình ông thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo. (iii) Yêu cầu các cơ quan khảo sát thực tế hoàn cảnh gia đình và tạo điều kiện đưa vào diện được hỗ trợ xây dựng nhà ở theo các chương trình an sinh xã hội, chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát.

- Kết quả giải quyết các vụ việc tố cáo thuộc thẩm quyền đủ điều kiện xử lý: 00 vụ;

- Tổng số kết luận nội dung tố cáo đã ban hành trong kỳ: 00 kết luận.

4. Công tác quản lý Nhà nước về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo (06/QLKNTC)

a) Sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo

Được sự quan tâm lãnh đạo chỉ đạo của Cấp ủy, Chính quyền về tổ chức công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo thực hiện nghiêm túc theo quy định của pháp luật. Nhiệm vụ này được xác định là nhiệm vụ thường xuyên, gắn với trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

Ủy ban nhân dân đã duy trì lịch tiếp công dân định kỳ và đột xuất của người đứng đầu⁴; kịp thời chỉ đạo xử lý các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài, đông người, góp phần ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong tiếp công dân, xử lý đơn và giải quyết khiếu nại, tố cáo từng bước được tăng cường; việc phân loại, xử lý đơn cơ bản bảo đảm đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

b) Kết quả xây dựng, hoàn thiện thể chế, ban hành văn bản chỉ đạo điều hành và tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật. Ban hành mới: 00 văn bản; Sửa đổi, bổ sung: 00 văn bản; Hủy bỏ, bãi bỏ: 00 văn bản

Đã tổ chức 06 cuộc tuyên truyền về pháp luật tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo với 189 lượt người tham dự. Nội dung tuyên truyền tập trung vào các quy định mới của pháp luật, quyền và nghĩa vụ của công dân, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Thông qua công tác tuyên truyền, nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, công chức và Nhân dân từng bước được nâng lên, góp phần hạn chế phát sinh đơn thư khiếu nại, tố cáo.

III. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ, TIÊU CỰC

1. Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

⁴ Thông báo số 22/TB-UBND ngày 03/02/2026 lịch tiếp công dân năm 2026

a) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

Trong kỳ báo cáo, Ủy ban nhân dân xã đã xác định công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên; đưa nội dung này vào chương trình công tác hằng năm của cấp ủy và chính quyền xã. UBND xã đã ban hành kế hoạch và các văn bản chỉ đạo để triển khai thực hiện các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy, UBND tỉnh việc triển khai được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế ở địa phương.

b) Công tác triển khai, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các nhiệm vụ, chương trình công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

UBND xã đã tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các nhiệm vụ do Ban Chỉ đạo Trung ương, Ban Chỉ đạo tỉnh giao, thông qua việc xây dựng kế hoạch, lồng ghép nội dung phòng, chống tham nhũng vào các cuộc họp giao ban, sinh hoạt chi bộ, hội nghị cán bộ, công chức. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc cán bộ, công chức trong thực hiện nhiệm vụ, kịp thời chấn chỉnh những biểu hiện né tránh, đùn đẩy trách nhiệm hoặc thiếu tinh thần trách nhiệm trong công vụ.

c) Việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

UBND xã đã phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cho cán bộ, công chức và Nhân dân thông qua các buổi họp ấp, sinh hoạt chi bộ, hội nghị tuyên truyền pháp luật...Nội dung tuyên truyền tập trung vào Luật Phòng, chống tham nhũng; quy định về trách nhiệm nêu gương, đạo đức công vụ; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, góp phần nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của đội ngũ cán bộ và Nhân dân.

d) Việc tổng kết, đánh giá, rà soát và lập danh mục những quy định pháp luật còn thiếu, sơ hở, dễ bị lợi dụng để tham nhũng, tiêu cực qua đó tự mình hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

UBND xã đã tổ chức rà soát các quy chế làm việc, quy trình giải quyết thủ tục hành chính, quản lý tài chính – ngân sách, quản lý đất đai, xây dựng cơ bản trên địa bàn xã nhằm kịp thời phát hiện những sơ hở, thiếu chặt chẽ có thể

phát sinh tiêu cực. Trên cơ sở đó, xã đã điều chỉnh, bổ sung quy chế nội bộ, thực hiện công khai, minh bạch trong hoạt động của UBND xã và các phòng ban chuyên môn trực thuộc UBND xã, góp phần phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực ngay từ cơ sở.

đ) Tổ chức, bộ máy, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện trong công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; tình hình hoạt động của các cơ quan chuyên trách về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Chủ tịch UBND xã chịu trách nhiệm trực tiếp về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; các Phó Chủ tịch và công chức chuyên môn chịu trách nhiệm trong phạm vi lĩnh vực được phân công. Công chức Văn phòng HĐND và UBND được giao tham mưu, tổng hợp, theo dõi việc thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng; việc phối hợp giữa các bộ phận được thực hiện thường xuyên, đảm bảo hiệu quả.

e) Kết quả hoạt động thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực (số cuộc thanh tra, kết quả phát hiện và xử lý vi phạm qua thanh tra)

Trong kỳ báo cáo, UBND xã không thực hiện việc kiểm tra trách nhiệm của cán bộ, công chức trong việc chấp hành pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

a) Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động

UBND xã thực hiện nghiêm việc công khai ngân sách, các khoản thu, chi, các chương trình, dự án, hỗ trợ chính sách, thủ tục hành chính tại trụ sở và trên hệ thống niêm yết công khai. Các quyết định liên quan đến cán bộ, tài chính, đầu tư xây dựng đều được thông báo đầy đủ, kịp thời, bảo đảm Nhân dân biết, giám sát.

b) Kết quả xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ

Việc sử dụng ngân sách, tài sản công, chi tiêu hội nghị, công tác phí, mua sắm... được thực hiện đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ do Nhà nước quy định không để xảy ra tình trạng chi vượt, chi sai chế độ.

c) Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn

Cán bộ, công chức xã thực hiện nghiêm quy tắc ứng xử, đạo đức công vụ, không gây phiền hà, sách nhiễu trong giải quyết công việc cho người dân; nâng cao tinh thần trách nhiệm và thái độ phục vụ Nhân dân.

d) Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn

UBND xã thực hiện việc rà soát, bố trí, phân công lại nhiệm vụ đối với những vị trí nhạy cảm như: Vị trí kế toán, công chức văn phòng HĐND -UBND (Phụ trách Tư pháp - hộ tịch)... theo quy định, góp phần phòng ngừa tham nhũng.

đ) Kết quả thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt

Đã áp dụng sử dụng phần mềm quản lý hồ sơ, dịch vụ công trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt trong thu phí, lệ phí, góp phần giảm tiếp xúc trực tiếp, nâng cao minh bạch.

e) Kết quả thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn

Hằng năm UBND xã tổ chức kê khai tài sản, thu nhập đối với cán bộ thuộc diện phải kê khai theo quy định; việc kê khai được thực hiện đầy đủ, đúng thời gian, lưu trữ theo quy định.

3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

a) Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng, lãng phí, tiêu cực qua hoạt động giám sát, kiểm tra và tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý: Không có.

b) Kết quả công tác thanh tra, kiểm toán và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng, lãng phí, tiêu cực qua hoạt động thanh tra, kiểm toán: Trong kỳ không có thanh tra, kiểm toán chuyên đề về tham nhũng tại xã.

c) Kết quả xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; việc phát hiện, xử lý tham nhũng, lãng phí, tiêu cực qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo: UBND xã tiếp nhận, giải quyết kịp thời các phản ánh, kiến nghị của công dân; không có tố cáo liên quan đến tham nhũng.

d) Kết quả rà soát, phát hiện tham nhũng, lãng phí, tiêu cực qua các hoạt động khác: Không phát hiện vụ việc tham nhũng, tiêu cực.

đ) Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong phạm vi theo dõi, quản lý của bộ, ngành, địa phương: Không có vụ việc thuộc thẩm quyền theo dõi.

e) Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu: Không có trường hợp bị xử lý trách nhiệm của người đứng đầu.

IV. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Ưu điểm

Công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được các cấp, các ngành quan tâm triển khai đồng bộ và đạt được những kết quả tích cực.

Cấp ủy, chính quyền đã tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo; xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu trong việc trực tiếp tiếp công dân, đối thoại, chỉ đạo giải quyết các vụ việc phức tạp, kéo dài. Việc thực hiện quy định về tiếp công dân của người đứng đầu, nhất là Chủ tịch UBND xã được duy trì nghiêm túc, bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo phòng chống tham nhũng lãng phí tiêu cực được chú trọng thực hiện bằng nhiều hình thức; qua đó nâng cao nhận thức pháp luật và ý thức chấp hành pháp luật của các tầng lớp Nhân dân. Công tác kiểm tra trách nhiệm việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được tăng cường; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực này.

Công tác xây dựng, củng cố đội ngũ cán bộ làm công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo từng bước được quan tâm; năng lực, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức được nâng lên. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, theo dõi, xử lý đơn thư, cũng như công tác phối hợp giữa các cơ quan có liên quan trong tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo ngày càng chặt chẽ, hiệu quả.

2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo vẫn còn một số tồn tại, hạn chế sau: Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật chưa đa dạng về hình thức, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, xử lý đơn thư còn hạn chế.

3. Nguyên nhân

Hệ thống pháp luật về khiếu nại, tố cáo, nhất là trong lĩnh vực đất đai....Trách nhiệm của người đứng đầu ở một số cơ quan, đơn vị chưa được phát huy đầy đủ vai trò, trách nhiệm. Công tác phối hợp giữa các cơ quan liên quan

có lúc chưa chặt chẽ, năng lực, kinh nghiệm của công chức phụ trách công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo còn hạn chế; việc ứng dụng công nghệ thông tin chưa đồng bộ.

V. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

Trong thời gian tới, tình hình khiếu nại, tố cáo trên địa bàn dự báo khả năng diễn biến phức tạp, nhất là trong các lĩnh vực đất đai, quản lý trật tự xây dựng, chính sách an sinh xã hội... Việc triển khai các dự án phát triển kinh tế - xã hội, điều chỉnh chính sách pháp luật có thể là nguyên nhân phát sinh khiếu nại, tố cáo nếu không được tuyên truyền, giải thích kịp thời.

VI. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TRONG KỲ TIẾP THEO

Từ những hạn chế tồn tại, dự báo tình hình. Ủy ban nhân dân xã Tân Hội đề ra phương hướng nhiệm vụ như sau:

1. Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền đối với công tác tiếp công dân, xử lý đơn và giải quyết khiếu nại, tố cáo; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong tiếp công dân, đối thoại và chỉ đạo giải quyết vụ việc.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác này.

3. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trách nhiệm; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các vi phạm; nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan liên quan. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, theo dõi, xử lý đơn thư; nâng cao chất lượng giải quyết khiếu nại, tố cáo ngay từ cơ sở, hạn chế phát sinh khiếu kiện phức tạp, kéo dài.

Trên đây là báo cáo công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo 6 tháng đầu năm 2026 và phương hướng nhiệm vụ trong kỳ tiếp theo của Ủy ban nhân dân xã Tân Hội./.

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- CT, các PCT.UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị, đoàn thể xã;
- Lưu: VT, dtkiem.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Ngọc

TỔNG HỢP KẾT QUẢ
TIẾP CÔNG DÂN THƯỜNG XUYÊN, ĐỊNH KỲ VÀ ĐỘT XUẤT

Số liệu tính từ ngày 15/12/2025 đến ngày 15/06/2026
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng 6 năm 2026 của UBND xã Tân Hội)

Đơn vị	Tổng số lượt tiếp	Tổng số người được tiếp	Tổng số vụ việc tiếp	Tổng số đoàn đông người	Tiếp thường xuyên				Tiếp định kỳ và đột xuất của Thủ trưởng												
					Số lượt tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc	Trong đó đoàn đông người		Thủ trưởng tiếp						Ủy quyền tiếp					
								Số đoàn được tiếp	Số người được tiếp	Số ngày tiếp	Số lượt tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc	Trong đó đoàn đông người		Số ngày tiếp	Số lượt tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc	Trong đó đoàn đông người	
														Số đoàn được tiếp	Số người được tiếp					Số đoàn được tiếp	Số người được tiếp
MS	1=5+11+17	2=6+12+18	3=7+13+19	4=8+14+20	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	49	49	49	00	49	49	49	0	49	24	0	04	04	0	04	0	0	0	0	0	0

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng 6 năm 2026 của UBND xã Tân Hội)

[illegible]

Số liệu tính từ ngày 15/12/2025 đến ngày 15/6/2026

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng 6 năm 2026 của UBND xã Tân Hội)

[illegible]

Số liệu tính từ ngày 15/12/2025 đến ngày 15/6/2026

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng 5 năm 2026 của UBND xã Tân Hội)

[illegible]

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH, THỰC HIỆN KẾT LUẬN

Số liệu tính từ ngày 15/12/2025 đến ngày 15/6/2026

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng 6 năm 2026 của UBND xã Tân Hội.)

[illegible]

Số liệu tính từ ngày 15/12/2025 đến ngày 15/6/2026

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng 6 năm 2026 của UBND xã Tân Hội)

[illegible]

Biểu số: 01/PCTN

TỔNG HỢP KẾT QUẢ VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026*Số liệu tính từ ngày 15/12/2026 đến ngày 15/6/2026*

MS	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LIỆU
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT		
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	00
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	00
3	Số văn bản được bãi bỏ để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	00
	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN		
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức	Lớp	06
5	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	193
6	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản	Tài liệu	193
	PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
	<i>Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động</i>		
7	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	00
8	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	00
	<i>Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ</i>		
9	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được ban hành mới	Văn bản	00

10	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Văn bản	00
11	Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc	00
12	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Vụ	00
13	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Người	00
14	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hành chính	Người	00
15	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự	Người	00
16	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	00
17	Tổng giá trị vi phạm định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	00
	<i>Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn</i>		
18	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn	CQ, TC, ĐV	00
19	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	00
20	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	
21	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	00
22	Số người bị xử lý do có vi phạm vì xung đột lợi ích	Người	00
23	Số người bị xử lý do có vi phạm về việc kinh doanh trong thời hạn không được kinh doanh sau khi thôi giữ chức vụ	Người	00
	<i>Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn</i>		
24	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	00

	<i>Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt</i>		
25	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng tại Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	402
26	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng mức độ 3 hoặc 4 tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	171
27	Số thủ tục hành chính yêu cầu người dân, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ từ 02 lần trở lên	Lượt thủ tục	00
28	Số cuộc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Cuộc	00
29	Số vụ phát hiện vi phạm trong việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Vụ	00
30	Tổng giá trị giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (1)	Triệu đồng	00
31	Tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán (2)	%	00
	<i>Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn</i>		
32	Số người đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ	Người	00
33	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	00
34	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện các quy định về kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	CQ, TC, ĐV	00
35	Số người bị kỷ luật do vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	00
35,1	Số người bị kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực	Người	00
35,2	Số người bị kỷ luật do có vi phạm khác về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	00
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		

36	Tổng số vụ việc tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Vụ	00
37	Tổng số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Người	
	<i>Qua công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị</i>		
38	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Vụ	00
39	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Người	00
40	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Vụ	00
41	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Người	00
42	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng	Vụ	00
	<i>- Trong đó số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra</i>	vụ	00
43	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng	Người	00
	<i>- Trong đó số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra</i>	người	00
	<i>Qua hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm toán</i>		00
44	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Vụ	00
45	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Người	00

46	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra	Vụ	00
47	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động thanh tra	Người	00
48	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Vụ	00
49	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Người	
	<i>Qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng</i>		
50	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ việc	00
51	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng đã được xem xét	Vụ việc	00
52	Số vụ tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ	00
53	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	người	00
	<i>Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo</i>		
54	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	00
55	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	00
	<i>Qua các hoạt động khác (ngoài những hoạt động nêu trên, nếu có)</i>		
56	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua các hoạt động khác	Vụ	00
57	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua các hoạt động khác	Người	00
	<i>Qua điều tra tội phạm</i>		
58	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	00
59	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	00

	<i>Bảo vệ, khen thưởng người tố cáo, phát hiện tham nhũng</i>		
60	Số người tố cáo hành vi tham nhũng được được bảo vệ theo quy định của pháp luật về tố cáo	Người	00
61	Số người tố cáo hành vi tham nhũng bị trả thù	Người	00
62	Số người đã bị xử lý do có hành vi trả thù người tố cáo	Người	00
63	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng	Người	00
	XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ KHI ĐỂ XẢY RA THAM NHƯNG		
64	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	00
65	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	00
66	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người	00
66,1	- <i>Khiển trách</i>	Người	00
66,2	- <i>Cảnh cáo</i>	Người	00
66,3	- <i>Cách chức</i>	Người	00
	XỬ LÝ THAM NHƯNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
67	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp)	Vụ	00
68	Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) trong đó:	Người	00
68,1	- <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng</i>	Người	00

68,2	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng	Người	00
68,3	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng	Người	00
68,4	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng	Người	00
69	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	00
70	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	00
71	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	00
72	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	00
	<i>Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được</i>		
73	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	00
74	Đất đai	m ²	00
	<i>Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường</i>		
75	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	00
75,1	- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp hành chính	Triệu	00
75,2	- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp tư pháp	Triệu	00
76	Đất đai	m ²	
76,1	- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp hành chính	m ²	00
76,2	- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp tư pháp	m ²	00
	<i>Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được</i>		
77	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	00

78	Đất đai	m ²	00
	PHONG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC KHU VỰC NGOÀI NHÀ NƯỚC		
79	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) thuộc phạm vi quản lý	Tổ chức	00
80	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) được thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về PCTN	Tổ chức	00
81	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) bị xử lý do có vi phạm pháp luật về PCTN	Tổ chức	00
82	Số vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Vụ	00
83	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Người	00
84	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý đã bị xử lý hình sự	Người	00
85	Thiệt hại gây ra bởi các vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	00
86	Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	00

Biểu số: 02/PCTN

DANH SÁCH CÁC VỤ THAM NHỮNG ĐƯỢC PHÁT HIỆN TRONG KỲ
Số liệu tính từ ngày 15/12/2025 đến ngày 15/6/2026

TT	Tên vụ	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị xảy ra sự việc	Cơ quan thụ lý, giải quyết vụ việc	Tóm tắt nội dung vụ việc	Ghi chú
1	0	0	0	0	0

Biểu số: 03/PCTN

KẾT QUẢ PHÁT HIỆN, KHẮC PHỤC CÁC VĂN BẢN CÒN SƠ HỒ, DỄ BỊ LỢI DỤNG ĐỂ THAM NHƯNG^(*)
(Số liệu tính từ ngày 15/12/2025 đến ngày 15/6/2026)

TT	Tên, số, ngày, tháng, năm	Cơ quan ban hành văn bản	Nội dung sơ hồ, dễ bị lợi dụng để tham nhũng	Kết quả khắc phục			Ghi chú
				Đã được khắc phục theo thẩm quyền	Chưa khắc phục xong	Nguyên nhân của việc chưa khắc phục xong	
MS	1	2	3	4	5	6	7
1	0	0	0	0	0	0	0
Tổng số:	0	0	0	0	0	0	0